

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2019

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Võ Thị M Nhựt**;

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Bà **Nguyễn Thị Diễm Dương**

2/ Ông **Dư Công Thử**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Ánh Tuyết**, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn:** Anh **Đỗ Nguyễn Hoàng M**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: số nhà 000 thôn H 2, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (anh M và chị T có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Nguyễn Hoàng M có yêu thương và tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ka Đô vào ngày 27/4/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, do chị và anh M không thể hòa hợp được với nhau trong cuộc sống chung. Hai bên luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau. Do không thể hòa hợp hàn gắn nên chị đã bế con về nhà mẹ đẻ sống đã hơn 02 năm, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị xin được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Hoàng M.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, chị và anh M có 01 con chung tên Đỗ Qu, sinh ngày: 29/3/2013 hiện cháu Qu do chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đỗ Qu cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án giải quyết xong việc ly hôn.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T xác nhận trong thời gian chung sống, chị và anh M không có tài sản chung, không có nợ ai chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp công khai cứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Nguyễn Hoàng M trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác định thời gian anh và chị T kết hôn chung sống, thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là đúng như lời trình bày của chị T. Trong cuộc sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do chị T thường ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau, xúc phạm nhau dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung. Chị T đã bế con về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- *Về con chung:* Anh M xác định trong thời gian chung sống anh và chị T có 01 cháu tên Đỗ Qu, sinh ngày: 29/3/2013 hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao cháu Đỗ Qu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ để chị T nuôi con chung theo yêu cầu của chị T.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh M xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T và bị đơn anh Đỗ Nguyễn Hoàng M đều có đơn xin phép được vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh T và anh Đỗ Nguyễn Hoàng M; Về con chung ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa chị T và anh M, giao cháu Đỗ Qu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đỗ Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thảo luận, Ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Đây là vụ án “*Tranh chấp xin ly hôn*” giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T với bị đơn anh Đỗ Nguyễn Hoàng M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ánh T và anh Đỗ Nguyễn Hoàng M đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Điều 273 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị T và anh M là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K huyện Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyền số 01 ngày 27/4/2012. Quá trình chung sống, hai bên có thời gian chung sống hạnh phúc ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không có tiếng nói chung. Hai bên đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn anh M. Phía anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị T và anh M không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M là phù hợp với thực tế hôn nhân của hai bên và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Quá trình điều tra, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Qu và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Phía anh M cũng thống nhất với yêu cầu nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của chị T. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị T và anh M là phù hợp với nguyện vọng của các bên, không trái pháp luật; vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa chị T và anh M; Giao cháu Đỗ Qu cho chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đỗ Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2019 cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Quá trình điều tra, chị T và anh M xác định trong thời gian chung sống chị T và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét đến, nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án Dân sự khác.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị Ánh T và anh Đỗ Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh T và anh Đỗ Nguyễn Hoàng M. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 quyền số 01 ngày 27/4/2012 của UBND xã Ka Đô chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa chị T và anh M như sau:

Giao cháu Đỗ Qu, sinh ngày 29/3/2013 cho chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Qu trưởng thành.

Anh Đỗ Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ để chị Phạm Thị Ánh T nuôi dưỡng cháu Đỗ Qu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2019 cho đến khi cháu Đỗ Qu tròn 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

**3. Về án phí:** Buộc chị Phạm Thị Ánh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng do chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011461 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Anh Đỗ Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) chị Phạm Thị Ánh T, anh Đỗ Nguyễn Hoàng M được quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM - HÁN - CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA

Dư Công Thử - Nguyễn Thị Diễm Dương

Võ Thị M Nhựt

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- UBND xã Ka Đô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Võ Thị M Nhựt**